

## REVIEW OF ENGLISH CURRICULUM FOR PRIMARY SCHOOLS IN THE PHILIPPINES FROM THE PERSPECTIVE OF A 21<sup>ST</sup> CENTURY LEARNING FRAMEWORK

Tran Bich Hang<sup>\*1</sup>, Do Thi Ngoc Hien<sup>2</sup>,  
Tran My Ngoc<sup>3</sup>

\* Corresponding author  
Email: hangtb@gesd.edu.vn

<sup>2</sup> Email: hiendn@gesd.edu.vn

<sup>3</sup> Email: ngoctm@gesd.edu.vn

<sup>1,2,3</sup> The Vietnam National Institute  
of Educational Sciences  
52 Lieu Giai, Ba Dinh district,  
Hanoi, Vietnam

Received: 01/10/2024

Revised: 26/11/2024

Accepted: 03/01/2025

Published: 20/02/2025

**Abstract:** Recent developments in the region and in the Philippines have prompted the Philippine Government to develop a new Basic Education Program. Accompanying this reform is the adoption of a new English curriculum, referred to as the English Language Arts and Multicultural Curriculum. This article examines the K-12 English Curriculum in the Philippines through the lens of a 21st-century learning framework. It is structured into two sections. The introductory section briefly outlines the new English curriculum and the 21st-century learning framework, applying both general terminology and terminology specific to English language teaching. The subsequent section evaluates the curriculum's alignment with the principles of the 21st-century learning framework and the country's established language teaching and learning principles. The findings indicate that the current curriculum requires enhancements in specificity, coherence, and the integration of essential principles from the 21st-century language learning and teaching framework. This paper underscores the challenges associated with implementing the curriculum, offers recommendations for its future design and execution, and suggests avenues for further research.

**Keywords:** Curriculum, primary English curriculum, curriculum innovation, 21st-century learning framework.

## ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY TIẾNG ANH CẤP TIỂU HỌC Ở PHILIPPINES TỪ GÓC NHÌN CỦA KHUNG HỌC TẬP THẾ KỶ XXI

Trần Bích Hằng<sup>\*1</sup>, Đỗ Thị Ngọc Hiền<sup>2</sup>,  
Trần Mỹ Ngọc<sup>3</sup>

\* Tác giả liên hệ  
Email: hangtb@gesd.edu.vn

<sup>2</sup> Email: hiendn@gesd.edu.vn

<sup>3</sup> Email: ngoctm@gesd.edu.vn

<sup>1,2,3</sup> Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam  
52 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam

Nhận bài: 01/10/2024

Chỉnh sửa xong: 26/11/2024

Chấp nhận đăng: 03/01/2025

Xuất bản: 20/02/2025

**Tóm tắt:** Sự phát triển gần đây trong khu vực và ở Philippines đã thúc đẩy Chính phủ Philippines xây dựng Chương trình Giáo dục cơ bản mới. Cùng với thay đổi này là việc áp dụng Chương trình giảng dạy tiếng Anh mới, hay còn được gọi là Chương trình giảng dạy Nghệ thuật Ngôn ngữ và Đa văn hóa Chương trình giảng dạy tiếng Anh mới. Bài viết xem xét Chương trình giảng dạy tiếng Anh phổ thông ở Philippines từ góc nhìn của khung học tập thế kỷ XXI. Phần đầu bài viết mô tả ngắn gọn về Chương trình giảng dạy tiếng Anh mới và khung học tập thế kỷ XXI theo thuật ngữ chung và thuật ngữ liên quan đến giảng dạy tiếng Anh. Phần tiếp theo nhận xét tính phù hợp của nó với những nguyên tắc trong khung học tập thế kỷ XXI và nguyên tắc dạy và học ngôn ngữ được xác lập ở đất nước này. Các phát hiện cho thấy, Chương trình giảng dạy hiện tại cần cải thiện tính đặc thù, tính mạch lạc và tích hợp một số nguyên tắc thiết yếu của việc học tập và dạy và học ngôn ngữ của thế kỷ XXI. Bài viết đưa ra những thách thức trong việc thực hiện chương trình giảng dạy, những gợi ý về thiết kế và cách thực hiện chương trình trong tương lai cũng như gợi mở những nghiên cứu tiếp theo.

**Từ khóa:** Chương trình giảng dạy, Chương trình Tiếng Anh cấp Tiểu học, đổi mới chương trình, khung học tập thế kỷ XXI.

### 1. Đặt vấn đề

Toàn cầu hóa và sự tiến bộ nhanh chóng của công nghệ thông tin và truyền thông đang thay đổi hoàn toàn cuộc sống của chúng ta, đáng kể nhất là trong

lĩnh vực học tập và lao động. Gần đây, Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) đã phê duyệt “kế hoạch chi tiết” hướng dẫn các quốc gia thành viên về

các sáng kiến hội nhập khu vực. Sự hội nhập này cho phép 10 nước thành viên tham gia vào kinh tế, chính trị, xã hội. Nó mở ra cánh cửa cho thị trường việc làm trong khu vực khiến cho sự cạnh tranh trở nên gay gắt hơn và thúc đẩy giáo dục trong các ngành nghề để tạo ra những sinh viên tốt nghiệp có năng lực và những kỹ năng cần thiết để đóng góp tích cực cho một xã hội dựa trên tri thức. Nhu cầu phát triển những kỹ năng này đã dẫn đến việc Khung học tập thế kỷ XXI nhấn mạnh các kỹ năng và kiến thức cần thiết để người học trở thành công dân thành công trong công việc và cuộc sống (The Partnership for 21<sup>st</sup> Century Learning, 2015). Bên cạnh việc nâng cao những kỹ năng này, tại Hội nghị Bộ trưởng Giáo dục ASEAN lần thứ 8, các Bộ trưởng Giáo dục các nước ASEAN cũng tuyên bố tầm quan trọng của đào tạo ngôn ngữ tiếng Anh nhằm thu hẹp khoảng cách phát triển (J.S. Barrot, 2019).

Ở Philippines, người ta nhận thấy, Chương trình Giáo dục cơ bản 10 năm vẫn còn những vướng mắc và học sinh, sinh viên không thể tham gia vào thị trường lao động, kí kết hợp đồng hay đàm phán kinh doanh sau khi ra trường. Người ta cũng quan sát thấy rằng, học sinh thiếu sự trưởng thành và thiếu năng lực ở nhiều lĩnh vực chuyên môn khác nhau khi tốt nghiệp trung học phổ thông. Trên thực tế, số liệu cho thấy, điểm số của học sinh ở Philippines trong kì thi quốc gia (NAT) giữa các môn học vẫn thấp hơn nhiều so với mục tiêu 75% của Bộ Giáo dục (Department of Education, 2012; UNESCO, 2015).

Những phát triển gần đây trong khu vực và nhu cầu phát triển cá nhân có kiến thức về công nghệ thông tin - truyền thông đã thúc đẩy chính phủ Philippines xây dựng một chương trình giáo dục cơ bản mới nhằm tìm cách cung cấp chương trình giáo dục cơ bản 12 năm chất lượng cho học sinh Philippines. Một đặc điểm chính của cải cách chương trình giảng dạy là sự tích hợp khung học tập thế kỷ XXI nhằm giúp học sinh thành công trong môi trường thế kỷ XXI (Seameo Innotech, 2012). Chương trình Giáo dục phổ thông kéo dài thời gian học ở trường bằng cách thêm hai năm học bậc học phổ thông nhằm cung cấp các khóa học về kỹ thuật và học nghề. Tuy nhiên, cuộc cải cách giáo dục này tập trung chuẩn bị cho học sinh sẵn sàng cho công việc có tính cạnh tranh trong tương lai, thu hẹp khoảng cách phát triển, giải quyết sự quá tải trong chương trình giảng dạy và tích hợp công nghệ thông tin. Điều quan trọng không kém là giúp họ trở thành những công dân toàn cầu, có tư duy phê phán và có năng suất lao động, đồng thời trang bị cho họ những

kỹ năng cần thiết để chống lại sự bóc lột và áp bức của toàn cầu hóa, những thứ chỉ mang lại lợi ích cho giới tinh hoa toàn cầu.

Cùng với những phát triển này là việc rà soát chương trình giảng dạy và củng cố chương trình giảng dạy tiếng Anh nhằm đạt được vị trí dẫn đầu trong việc đào tạo nhân lực đáp ứng được những đòi hỏi về năng lực của ngôn ngữ Anh. Tuy nhiên, một số nhà viết sách giáo khoa và giáo viên đứng lớp cho rằng, họ gặp khó khăn trong việc triển khai Chương trình tiếng Anh vì nhiều lí do (Pazzibugan, 2016; M. Valerio, 2015). Chẳng hạn, giáo viên lúng túng trong việc soạn lại giáo án do những thay đổi trong chương trình giảng dạy (M. Valerio, 2015). Về việc viết sách giáo khoa, một số tác giả gặp khó khăn trong việc sắp xếp các năng lực được đề xuất mỗi tuần thành năng lực tổng hợp và thống nhất trong mỗi bài học. Lí do cho những thách thức này là sự thiếu rõ ràng và cụ thể của chương trình giảng dạy. Trước đây, giáo viên có thể thực hiện chương trình giảng dạy hiệu quả bằng cách hiểu đầy đủ các khái niệm cơ bản và ý nghĩa của chương trình giảng dạy với việc thực hành trong lớp học cũng như các nguyên tắc sư phạm mà chương trình đưa ra. Vì vậy, cần phải xây dựng Chương trình tiếng Anh mới rõ ràng, cụ thể, mạch lạc, phù hợp với các nguyên tắc sư phạm đã được thiết lập, chẳng hạn như việc học tập thế kỷ XXI. Tuy nhiên, hãy lưu ý rằng, giáo dục là một hệ thống phức tạp được đặt trong bối cảnh văn hóa, kinh tế và chính trị. Mặc dù sự rõ ràng, cụ thể, mạch lạc và kết nối của chương trình giảng dạy với các nguyên tắc học ngôn ngữ và nguyên tắc học tập thế kỷ XXI là những thành phần quan trọng cho thành công của một chương trình giảng dạy, chúng có thể không phải là những điều kiện đủ để giảng dạy ngôn ngữ tiên tiến. Các yếu tố khác phải được xem xét bao gồm sức khỏe tổng thể của người học, môi trường học tập an toàn và lành mạnh, các quy trình sư phạm tạo điều kiện thuận lợi cho việc học tập, cơ sở vật chất, vai trò và nhiệm vụ của giáo viên, ứng dụng ngôn ngữ thực hành và mức độ hiểu, đánh giá và thực hiện chương trình giảng dạy (Unicef, 2000; D. Chun, R. Kern, and B. Smith, 2016; M. Kubanyiova and G. Crookes, 2016; T. G. Wiley and O. García, 2016). Những học giả này chỉ ra sự liên quan của chất lượng người học với môi trường, nội dung và quy trình học tập cũng như các yếu tố chính trị xã hội, văn hóa và bối cảnh lịch sử trong việc thực hiện thành công bất kì chương trình giảng dạy nào.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Bối cảnh ngôn ngữ ở Philippines

Philippines là quốc gia đa dạng về ngôn ngữ với hơn 100 ngôn ngữ. Trước khi tiếng Anh trở thành ngôn ngữ chính thức của Philippines, không có ngôn ngữ nào được đa số người dân Philippines sử dụng. Ảnh hưởng của tiếng Anh ngày càng lớn bởi quá trình toàn cầu hóa khi Chính phủ Philippines và các doanh nghiệp phải sử dụng tiếng Anh làm ngôn ngữ thương mại. Kết quả là, Chính phủ đã thông qua chính sách đảm bảo học sinh Philippines phát triển đủ trình độ tiếng Anh. Một trong số này là Chính sách Giáo dục Song ngữ (Bilingual Education Policy, năm 1974, viết tắt là BEP) nhằm mục đích sử dụng tiếng Anh làm phương tiện giảng dạy về Khoa học và Toán học. BEP được tái khẳng định trong Hiến pháp Philippine năm 1987. Tuy nhiên, các nghiên cứu gần đây (Ví dụ: D. Dekker and C. Young, (2005) và R. M. D. Nolasco, F. A. Datar, and A. M. Azurin, (2010) cho thấy học sinh Philippines học tốt nhất thông qua tiếng mẹ đẻ (D. Dekker and C. Young, 2005; R. M. D. Nolasco, F. A. Datar, and A. M. Azurin, 2010). Những nghiên cứu này đã thúc đẩy Chính phủ Philippines thể chế hóa Giáo dục đa ngôn ngữ dựa trên tiếng mẹ đẻ (Mother-tongue-based Multilingual Education, viết tắt là MTBMLE) vào năm 2009 thông qua Sắc lệnh số 74 của Bộ Giáo dục. MTBMLE đề cập đến một nền giáo dục chính quy và không chính quy, trong đó ngôn ngữ chính được sử dụng như một phương tiện giảng dạy và là môn học từ lớp 1 đến lớp 3. Chính sách này dựa trên ý tưởng rằng, khả năng đa ngôn ngữ của người học có thể được phát triển bằng cách đưa các chương trình đa ngôn ngữ vào chương trình giáo dục từ các lớp tiểu học. MTBMLE dựa trên niềm tin rằng, sự phát triển đa ngôn ngữ được tạo điều kiện thuận lợi khi người học sử dụng nguồn lực ngôn ngữ của mình trong bối cảnh xã hội, thực hành giao tiếp đa phương thức, chuyển mã và sử dụng giao tiếp đa ngôn ngữ trong các lĩnh vực xã hội khác nhau.

### 2.2. Chương trình giảng dạy tiếng Anh từ tiểu học đến lớp 12 ở Philippines

Chương trình giảng dạy tiếng Anh từ tiểu học đến lớp 12 được phát triển nhằm cải thiện thành tích của học sinh trong kì thi NAT ở các môn học. Với niềm tin ngôn ngữ, tư duy và học tập có mối liên hệ với nhau và ngôn ngữ là nền tảng của mọi mối quan hệ giữa con người với nhau. Mục tiêu bao trùm của nó là phát triển năng lực giao tiếp và những người học đa ngôn ngữ là những người có ưu thế cạnh tranh trong nền kinh tế toàn cầu (Department

of Education, K to 12 curriculum guide for English).

So với các Chương trình giảng dạy tiếng Anh trước đây, Chương trình giảng dạy tiếng Anh mới bớt nhàm chán hơn vì học sinh không còn bị nhồi nhét những năng lực và chuẩn học tập tối thiểu trong mười năm. Những năng lực và chuẩn này được bao trùm trong 12 năm. Học sinh ít năng lực học tập phải hoàn thành nhiều hơn trong mỗi năm trong chương trình giáo dục 12 năm. Trong khi đó, nhiều môn học có sử dụng tiếng Anh nâng cao được đưa vào làm môn học chính (đọc, viết, giao tiếp) và các môn học ứng dụng (tiếng Anh học thuật và tiếng Anh nghề nghiệp) ở trường trung học phổ thông.

Chương trình này cũng đưa ra một số đổi mới về phương pháp sư phạm. Đầu tiên, áp dụng tiếng mẹ đẻ cho các môn học từ lớp 1 đến lớp 3. Điều này có nghĩa là, các môn học khác nhau (ngoại trừ các môn bằng tiếng Anh và tiếng Philipinnes) được dạy ở lớp 1 cho đến lớp 3 bằng tiếng mẹ đẻ để học sinh có thể nắm vững khái niệm. Từ lớp 4 đến cấp Trung học phổ thông, tiếng Anh là ngôn ngữ giảng dạy. Việc thực hiện chính sách này dựa trên giả định rằng, việc sử dụng tiếng mẹ đẻ trong giáo dục tiểu học sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho học tập (Department of Education, 2009; R. Tupas, 2015). Tupas (2015) giải thích thêm rằng, sự gia tăng của chương trình MTBMLE với mục đích: 1) Công nhận quyền con người đối với ngôn ngữ và văn hóa thiểu số; 2) Duy trì các ngôn ngữ thiểu số; 3) Xóa bỏ quyền bá chủ của ngôn ngữ quốc gia trong giảng dạy. Trong bối cảnh chính trị của giáo dục, MTBMLE giúp giảng dạy nhiều nhóm ngôn ngữ thiểu số và thúc đẩy việc giảng dạy tiếng mẹ đẻ ở các nhóm ngôn ngữ chính thống và không chính thống (R. Tupas, 2015). Vai trò quan trọng của tiếng mẹ đẻ còn mở rộng sang các lĩnh vực khác của sự phát triển như thúc đẩy bình đẳng giới, giảm nghèo, giảm tỉ lệ tử vong ở trẻ em và tăng cường sức khỏe (UNESCO, 2012). Thứ hai, việc phân bổ thời gian môn tiếng Anh cấp Tiểu học và Trung học cơ sở giảm xuống: Từ năm giờ mỗi tuần ở cấp Trung học giảm xuống còn bốn giờ. Ở cấp Tiểu học, thời lượng giảm từ 60 - 90 phút xuống còn 30 - 50 phút/buổi. Sự sụt giảm số giờ học là một phần trong nỗ lực thúc đẩy việc giảng dạy tiếng mẹ đẻ và kéo dài thời gian tiếp xúc cho các lĩnh vực học tập khác như kinh tế gia đình và giáo dục sinh kế. Thứ ba, Chương trình giảng dạy tiếng Anh mới sử dụng chương trình đánh giá khác nhau. Thay vì sử dụng NAT ở cấp Tiểu học và Trung học, giờ đây bài đánh giá NAT chỉ dành cho học sinh cuối lớp 6, cuối lớp 10 và cuối lớp 12.

### 2.3. Áp dụng nguyên tắc Học tập thế kỉ XXI ở Philippines

Tóm tắt các nguyên tắc dạy và học của thế kỉ XXI The Partnership for 21<sup>st</sup> Century Learning (2015): 1) Nắm vững các môn học cốt lõi và chủ đề của thế kỉ XXI; 2) Có tính sáng tạo, tư duy phê phán, giao tiếp và cộng tác; 3) Có các kĩ năng tư duy chức năng và phê phán liên quan đến thông tin, truyền thông và công nghệ để trở thành những công dân và người lao động hiệu quả của thế kỉ XXI; 4) Có khả năng phát triển đầy đủ các kĩ năng sống và kĩ năng nghề nghiệp để phát triển mạnh mẽ trong thời đại thông tin cạnh tranh toàn cầu; 5) Chương trình giảng dạy nên áp dụng các tiêu chuẩn của thế kỉ XXI, tập trung vào các kĩ năng của thế kỉ XXI. Nội dung và chuyên môn của chương trình nhằm phát triển sự hiểu biết sâu sắc và xuyên suốt các môn học, thu hút người học bằng dữ liệu, công cụ và chuyên gia trong thế giới thực, đồng thời cho phép người học áp dụng nhiều phương pháp học tập để làm chủ việc học tập; 6) Các chương trình đánh giá cần đạt được sự cân bằng giữa đánh giá quá trình và đánh giá tổng hợp, nhấn mạnh sự phản hồi tích cực về kết quả học tập của người học, yêu cầu sự cân bằng trong đánh giá về công nghệ và cho phép người học thể hiện được quyền làm chủ.

Philippines tiến hành cải cách giáo dục từ thời thuộc địa đến kỉ nguyên toàn cầu hóa hướng tới nền giáo dục chất lượng và dễ tiếp cận. Nhiều lí do thúc đẩy Chính phủ Philippines áp dụng khung học tập thế kỉ XXI. Đầu tiên, Philippines vẫn phải đối mặt với số lượng lớn thanh thiếu niên bỏ học mặc dù chính sách giáo dục cơ bản miễn phí, đặc biệt là đối với người nghèo và người ở các khu vực xung đột (Education for All Global Monitoring Report, 2014). Như vậy, ở Philippines, người nghèo vẫn gặp khó khăn trong việc tiếp cận giáo dục cơ bản. Một lí do khác cho việc áp dụng khung học tập thế kỉ XXI là chất lượng giáo dục ở Philippines. Dựa trên đánh giá quốc tế và quốc gia trong các bài kiểm tra, Philippines đạt điểm thấp hơn đáng kể so với mức trung bình quốc tế và không đạt được điểm số khả quan (I. V. S. Mullis, M. O. Martin, E. J. Gonzalez, and S. J. Chrostowski, 2004). Những thách thức này ảnh hưởng tiêu cực đến người Philippines khi thế giới đang trở thành xã hội toàn cầu với những hoạt động xuyên biên giới ngày càng tăng. Khi Philippines thay đổi nền công nghiệp nông nghiệp sang nền công nghiệp dịch vụ, nhu cầu đào tạo học sinh, sinh viên tốt nghiệp có tính cạnh tranh toàn cầu và sở hữu năng lực phù hợp với nhu cầu của thị

trường lao động ngày càng tăng. Bằng việc tích hợp khung học tập thế kỉ XXI vào chương trình giáo dục phổ thông từ tiểu học đến lớp 12, người ta hi vọng rằng, kết quả giáo dục có thể tạo điều kiện thuận lợi cho sự dịch chuyển xã hội và tạo ra thế hệ học tập suốt đời, những người có trách nhiệm với xã hội, có khả năng giải quyết vấn đề với tư duy phản biện và giao tiếp hiệu quả vì “một xã hội tiến bộ, công bằng và nhân văn” (Srameo Innotech, 2012, tr.12).

Mô hình giảng dạy tiếng Anh như một ngoại ngữ (ESL) gắn liền với khung học tập thế kỉ XXI là mô hình chuyển đổi nhận thức xã hội kết hợp các chủ đề của thế kỉ XXI vào các tài liệu học tập và nhiệm vụ học tập. Mô hình này nhấn mạnh hơn việc sử dụng ngôn ngữ trong bối cảnh xã hội, sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các khía cạnh nhận thức và xã hội của việc học ngôn ngữ và sự chuyển đổi bản thân và xã hội. Do đó, mô hình này “Nhằm mục đích đào tạo ra những người học tích cực tham gia xã hội, có khả năng giao tiếp đa dạng, đa văn hóa và là những người học có năng lực học tập suốt đời” (J. S. Barrot, 2014; J. S. Barrot, 2015). Bảng 1 đưa ra 17 nguyên tắc trong việc giảng dạy tiếng Anh và được sử dụng làm điểm tham chiếu trong việc phân tích sự liên kết của chương trình tiếng Anh mới với các nguyên tắc dạy và học ngôn ngữ.

### 2.4. Phân tích/Điều chỉnh chương trình giảng dạy hiện thời phù hợp với các nguyên tắc học tập thế kỉ XXI

Việc điều chỉnh chương trình giảng dạy theo các nguyên tắc học tập thế kỉ XXI không phải là một nhiệm vụ dễ dàng, đòi hỏi sự phối hợp giữa các nhà phát triển chương trình, các cơ quan giáo dục, hiệu trưởng và giáo viên để có một chương trình giảng dạy phù hợp. Đáng chú ý là, Chương trình giảng dạy tiếng Anh mới được phát triển để đáp ứng nhu cầu của thế hệ Z (những người sinh ra từ năm 1994 đến 2004) và trang bị cho họ những kiến thức khác nhau giúp họ phát triển trong môi trường toàn cầu hóa và xã hội dựa trên tri thức. Trong khi chương trình giảng dạy mới tích hợp đa văn hóa như là một trong những mục tiêu thì nội dung của chương trình giảng dạy mới chưa lồng ghép được những nguyên tắc cơ bản của học tập thế kỉ XXI.

Chương trình giảng dạy tiếng Anh mới có thể sử dụng cách tiếp cận mạch lạc hơn để tích hợp các chủ đề và kĩ năng của thế kỉ XXI. Các chủ đề học tập thế kỉ XXI không được thảo luận và không được đề cập rõ ràng trong các nội dung chương trình giảng dạy. Có hai cách để đưa các chủ đề vào Chương trình

**Bảng 1:** 17 nguyên tắc thiết lập trong việc giảng dạy tiếng Anh như một ngoại ngữ

1	Xây dựng	Thu hút người học hiểu ý nghĩa trong quá trình học và sử dụng ngôn ngữ.
2	Nhận thức xã hội	Xem xét yếu tố xã hội và nhận thức trong quá trình học ngôn ngữ.
3	Học tập chuyển hóa	Cho phép người học tham gia vào cộng đồng của mình, thực hiện các hoạt động xã hội và góp phần vào sự chuyển hóa xã hội và bản thân.
4	Khác biệt hóa	Tính đến sự khác biệt của cá nhân người học trong quá trình dạy và học.
5	Bối cảnh hóa	Cung cấp trải nghiệm ngôn ngữ đích thực và có ý nghĩa cho người học.
6	Tiến trình xoắn ốc	Ôn tập lại các hình thức, kỹ năng và văn bản ở mức độ khó và phức tạp tăng dần.
7	Tương tác	Đặt việc học ngôn ngữ trong bối cảnh giao tiếp thông qua các hoạt động đời sống thực tế đòi hỏi sự tương tác giữa những người học.
8	Tích hợp công nghệ thông tin	Tích hợp công nghệ thông tin vào quá trình dạy và học.
9	Quy trình định hướng	Tập trung vào các kỹ năng và quy trình liên quan đến việc học ngôn ngữ.
10	Tích hợp	Tích hợp việc dạy các kỹ năng vĩ mô (nói, nghe, đọc, viết, ôn tập và thuyết trình) và các kỹ năng vi mô (ngữ pháp và từ vựng) trong các tài liệu liên quan.
11	Năng lực liên văn hóa	Phát triển khả năng giao tiếp, làm việc phù hợp và hiệu quả của người học trong các bối cảnh văn hóa khác nhau.
12	Dạy từ vựng và ngữ pháp theo bối cảnh	Tích hợp ngữ pháp và từ vựng vào các nhiệm vụ thực tế.
13	Kết nối hình thức và ý nghĩa	Cho phép người học chú ý mối quan hệ giữa hình thức và ý nghĩa trong học ngoại ngữ.
14	Đánh giá đa thành phần	Sử dụng các phương pháp đánh giá khác nhau: Tự đánh giá, đánh giá đồng đẳng, đánh giá của giáo viên theo ngữ cảnh, đánh giá truyền thống và các phương pháp đánh giá thay thế khác.
15	Đa văn hóa	Giúp người học phát triển các kỹ năng tìm kiếm, tiếp cận, thu thập, phân loại, đánh giá, và đọc dữ liệu từ nhiều nguồn đa phương tiện và đa phương thức.
16	Học tập dựa trên trải nghiệm của bản thân	Cho phép người học suy nghĩ và phân tích một cách có ý thức trải nghiệm học tập.
17	Năng lực giao tiếp	Nhấn mạnh cân bằng các khía cạnh của năng lực giao tiếp.

giảng dạy tiếng Anh mới. Đầu tiên, một chủ đề có thể được giao thành bài tập trong mỗi quý. Ví dụ, quý đầu tiên của mỗi cấp lớp có thể tập trung vào kiến thức công dân và toàn cầu; quý hai, ba và bốn có thể tập trung vào hiểu biết về tài chính, y tế và môi trường. Thứ hai, mỗi chủ đề trong số năm chủ đề có thể được đưa vào từng quý.

Chương trình giảng dạy tiếng Anh mới cũng có thể sử dụng các phương pháp giảng dạy giúp người học phát triển cuộc sống và kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng tư duy sáng tạo và phê phán, và các kỹ năng tư duy bậc cao khác. Ví dụ, học sinh được yêu cầu phân

tích hoặc xử lý theo các cách khác nhau về cách sử dụng ngôn ngữ trong các dạng văn bản để thấy được ý nghĩa và ảnh hưởng đến hành vi và cảm xúc của người nghe (Curriculum Planning & Development Division, 2010).

Chương trình giảng dạy tiếng Anh mới nhận ra rằng, người học thuộc thế hệ Gen Z “Sẽ lớn lên với môi trường truyền thông phức tạp, môi trường máy tính, đồng thời sẽ hiểu biết và thành thạo Internet hơn những người đi trước thuộc thế hệ Y” (Department of Education, K to 12 curriculum guide for English, tr.5). Bất chấp sự thừa nhận này và thực tế là công

nghe thông tin - truyền thông góp phần tạo ra môi trường học tập đa dạng và làm phong phú nội dung giảng dạy, hiện nay chương trình giảng dạy tiếng Anh gần như không có sự kết nối với công nghệ thông tin - truyền thông. Ngoài mô tả ngắn gọn về người học thế hệ Z ở Chương trình giảng dạy tiếng Anh mới, không có những thảo luận thực tế về cách tích hợp công nghệ thông tin trong quá trình dạy và học. Sự thiếu thông tin tích hợp công nghệ thông tin có thể có tác động bất lợi đến việc giải quyết nhu cầu của học sinh và đạt được các mục tiêu của chương trình giảng dạy. Tuy nhiên, việc tích hợp công nghệ thông tin đặt ra một số vấn đề, chẳng hạn như khả năng của giáo viên trong việc sử dụng công nghệ trong giảng dạy và sự sẵn có của công nghệ thông tin. Bởi vì không phải tất cả các trường học ở Philippines có đủ nguồn lực công nghệ thông tin, Chương trình giảng dạy tiếng Anh mới có thể đề xuất những cách cụ thể để giải quyết vấn đề kỹ thuật số này.

Đặc điểm nổi bật của chương trình giảng dạy tiếng Anh hiện nay là việc đưa ra nhiều tiêu chuẩn khác nhau (tiêu chuẩn chính, tiêu chuẩn cấp lớp, tiêu chuẩn nội dung và tiêu chuẩn thành tích) mà người học ở các cấp độ khác nhau cần đạt được. Tuy nhiên, những tiêu chuẩn này không phản ánh đầy đủ sự phát triển của các kỹ năng thế kỷ XXI, như: Trình độ hiểu biết trong thời đại số, tư duy sáng tạo, giao tiếp hiệu quả và có thành tích học tập cao. Có thể thấy, các tiêu chuẩn về kỹ năng học tập thế kỷ XXI chỉ tập trung vào phát triển kỹ năng ngôn ngữ, đọc và hiểu biết về văn hóa để có sự đánh giá sâu sắc hơn về văn hóa Philippines và các nền văn hóa khác trên thế giới. Điều này cho thấy rằng, trong số các kỹ năng của thế kỷ XXI, phần lớn tập trung vào kỹ năng giao tiếp hiệu quả. Chương trình giảng dạy tiếng Anh mới cũng thiếu các quy định về cách người học tương tác với dữ liệu, công cụ và chuyên gia trong thế giới thực, đồng thời có thể sử dụng thành thạo nhiều phương pháp.

Một điểm mạnh nữa của chương trình này là nhấn mạnh vào đánh giá toàn diện, trong đó đề cập đến một tập hợp liên tục của phản hồi định tính và định lượng từ nhiều nguồn khác nhau. Chương trình giảng dạy tiếng Anh mới ủng hộ việc đánh giá phải dựa trên các hoạt động giao tiếp đích thực, mối quan hệ qua lại giữa các kỹ năng vi mô và vĩ mô cũng như mức độ phát triển của học sinh. Tuy nhiên, một cuộc thảo luận sâu rộng hơn về cách giáo viên có thể thực hành đánh giá theo nguyên tắc (Ví dụ: độ tin cậy, giá trị, tính thực tiễn, hệ quả và tính xác thực) trong lớp học tương ứng của họ bằng cách sử dụng cả hình

thức đánh giá truyền thống và thay thế. Người học được cung cấp cơ hội phát triển dự án/sản phẩm của mình để thể hiện sự thông thạo các kỹ năng và kiến thức và sử dụng đánh giá nâng cao bằng công nghệ.

Ngoài khái niệm về sự liên kết và nhất quán, điều quan trọng không kém là nhấn mạnh cách học tập thế kỷ XXI được phản ánh trong Chương trình giảng dạy tiếng Anh mới khi xem xét bối cảnh tại thời điểm này. Người học Philippines hiện đang sống trong xã hội toàn cầu, nơi sự đa dạng tác động đến việc giáo dục ngôn ngữ. Một bối cảnh như thế đòi hỏi các nhà giáo dục ngôn ngữ phải có sự hiểu biết và đánh giá sâu sắc hơn về nhu cầu học tập khác nhau của người học thế kỷ XXI. Vì vậy, giáo viên và nhà giáo dục phải nhận ra rằng, họ không dạy một môn học cố định. Tuy nhiên, Chương trình giảng dạy tiếng Anh mới vẫn chưa giải quyết được vấn đề đa dạng này và cách để giáo viên có thể thay đổi cách hiểu của họ về phương pháp giáo dục ngôn ngữ. Một cách để thực sự thành công trong việc áp dụng chương trình giảng dạy ngôn ngữ thế kỷ XXI là giáo viên phải hiểu thói quen làm việc và học tập của người học và vận dụng nhận thức này trong việc tạo bối cảnh giảng dạy mang tính hỗ trợ.

Bản chất của việc học tập thế kỷ XXI không chỉ đơn thuần là kiến thức và kỹ năng mà người học sở hữu mà còn ở những gì họ có thể làm với những kiến thức và kỹ năng này. Mặc dù Chương trình giảng dạy tiếng Anh mới đưa vào chương trình những năng lực và kiến thức ngôn ngữ khác nhau (Ví dụ, ngữ pháp phù hợp) mà người học cần nắm vững thì chương trình giảng dạy vẫn thiếu các quy định về cách sử dụng những năng lực này trong bối cảnh thực tế cuộc sống và cách người học có thể xử lý các bộ thông tin này. Cách thực hành cứng nhắc này trong lớp học khiến người học tiếp thu thông tin một cách thụ động và chấp nhận thông tin như hiện tại mà không cần thắc mắc. Vì điều này, Chương trình giảng dạy tiếng Anh mới có xu hướng tạo ra những người học tuân thủ thay vì những người đa năng lực.

Mặc dù học tập thế kỷ XXI là một khái niệm su phạm khả thi nhưng nó cũng những hạn chế. Trong bối cảnh giảng dạy tiếng Anh, việc học thế kỷ XXI phải nhận ra những thay đổi về công nghệ và những thay đổi về ngôn ngữ và văn hóa mang lại. Bằng cách này, sự nhấn mạnh không chỉ kỹ năng đọc viết và biểu đạt đa phương thức (Multiliteracies) mà còn tập trung vào khả năng đọc viết đa ngôn ngữ (Multilingual literacies). Trong khi mong muốn của Chương trình giảng dạy tiếng Anh mới là kế thừa

tất cả các đặc điểm của học tập thế kỉ XXI cần phải tìm một phương pháp phù hợp để thực hiện Chương trình giảng dạy tiếng Anh dựa trên văn hóa giáo dục của Philippines vì không phải tất cả học sinh trong nước đều được tiếp cận nền giáo dục toàn diện.

### 3. Kết luận

Philippines đã khởi xướng cải cách Chương trình giảng dạy tiếng Anh để đáp ứng một cách hiệu quả những yêu cầu của giáo dục thế kỉ XXI và giải quyết những vấn đề giáo dục hiện nay như điểm thi thấp và chương trình giảng dạy quá tải. Nhìn chung, chương trình giảng dạy hiện tại cần cải thiện sự rõ ràng, cụ thể và mạch lạc cũng như sự tích hợp của một số nguyên tắc quan trọng trong dạy và học ngôn ngữ thế kỉ XXI.

Với những phát hiện này, giáo viên có thể gặp nhiều thách thức khác nhau trong việc thực hiện chương trình giảng dạy. Đầu tiên, giáo viên có thể không thể thực hiện đầy đủ việc giảng dạy theo nguyên tắc trong các lớp học tương ứng của mình vì thiếu sự tích hợp các nguyên tắc thiết yếu của phương pháp giảng dạy ngôn ngữ thế kỉ XXI. Việc thiếu tính cụ thể và rõ ràng của chương trình giảng dạy tạo sự không chênh lệch giữa những gì giáo viên muốn dạy và những gì người học muốn hoặc cần học. Hơn nữa, khoảng trống giữa chương trình giảng dạy dự định và chương trình thực tế sẽ dễ xảy ra hơn nếu chương trình giảng dạy không rõ ràng đối với giáo viên. Điều này do giáo viên có xu hướng diễn giải chương trình giảng dạy theo cách phù hợp với quan điểm và phong cách giảng dạy cá nhân (N. H. A Rahman, 2014). Vì vậy, các nhà hoạch định chính sách cần làm rõ một số điều khoản và phương thức mà Chương trình giảng dạy tiếng Anh mới được áp dụng vào các hoạt động cụ thể của lớp học.

Một thách thức tiềm ẩn khác gặp phải là sự thay đổi quan điểm của giáo viên về vai trò của họ với tư cách là người hỗ trợ việc học tập (không đơn thuần là người truyền đạt kiến thức) về vai trò của học sinh và về quá trình dạy - học bao gồm cả đánh giá. Vì vậy, kĩ năng và kiến thức của giáo viên cần được bồi dưỡng và làm phong phú thông qua đào tạo giáo viên để đáp ứng nhu cầu chương trình giảng dạy mới. Việc đào tạo và định hướng phải được thực hiện ngay từ các khóa đào tạo giáo sinh trước khi đứng lớp và các giáo viên đang giảng dạy. Những khóa đào tạo này phải được thực hiện liên tục và phát triển để cung cấp kiến thức và những hỗ trợ đầy đủ trong việc thực hiện những thay đổi (A. Malderez and M.

Wedell, 2007). Vì giáo viên thực hiện chương trình theo phong cách giảng dạy của riêng họ nên việc đào tạo cũng nên tập trung vào việc giúp giáo viên nắm bắt những ý tưởng mới trong việc dạy tiếng Anh. Theo đánh giá của Kirkgöz (2008), bồi dưỡng và đào tạo trước có tác động tích cực đến thái độ của giáo viên cũng như khả năng nắm bắt và thực hiện các đổi mới trong chương trình giảng dạy (Y. Kirkgöz, 2008).

Cuối cùng là vấn đề về thời gian giảng dạy rất hạn chế. Tổng cộng học sinh đã dành khoảng 160 giờ học tập theo Chương trình giảng dạy tiếng Anh mới trong năm học với 40 tuần. Điều này có nghĩa là học sinh chỉ học bốn giờ mỗi tuần. Việc giảm giờ học môn Tiếng Anh khiến học sinh tiếp xúc với ngôn ngữ ít hơn mức cần thiết, dẫn tới việc khó đo lường được sự tiến bộ của học sinh (Học sinh cần ít nhất 200 giờ mỗi năm để tiến bộ (D. Nunan, 2003)). Vì vậy, những sửa đổi trong tương lai của chương trình giảng dạy có thể yêu cầu đưa vào các hoạt động ngoài lớp học để củng cố và bổ sung cho giờ học trên lớp. Hơn nữa, chỉ với bốn giờ giảng dạy mỗi tuần, giáo viên có thể gặp khó khăn trong việc giảng dạy tám đến mười năng lực học tập khác nhau trong một tuần. Để giải quyết vấn đề này, Chương trình giảng dạy tiếng Anh cho các cấp lớp dưới có thể tập trung chủ yếu vào việc nuôi dưỡng thái độ tích cực đối với giao tiếp hơn là coi nó như một phương tiện để bắt đầu giảng dạy tiếng Anh (Y. G. Butler and M. Iino, 2005). Cũng có thể phải tích hợp một số năng lực học tập liên quan và/hoặc trọng tâm vào những năng lực quan trọng. Nói cách khác, Chương trình giảng dạy tiếng Anh mới nên hướng tới việc cung cấp chất lượng hơn là số lượng.

Những phát hiện trên nhấn mạnh sự cần thiết phải nghiên cứu chương trình giảng dạy bằng cách tiến hành thực nghiệm, cách thực hiện chương trình giảng dạy và đánh giá trong bối cảnh Philippines từ quan điểm của giáo viên, học sinh, phụ huynh và các nhà quản lí nhà trường... Vì niềm tin của giáo viên rất quan trọng trong việc tiếp nhận những đổi mới trong chương trình giảng dạy nên các nghiên cứu trong tương lai có thể xem xét khuôn khổ sự phạm mà giáo viên ngôn ngữ sử dụng và thu hẹp khoảng cách giữa niềm tin của họ với Chương trình giảng dạy tiếng Anh mới (J. Wagner, 1991).

**Lời cảm ơn:** Bài viết này nằm trong nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng số 38 "Nghiên cứu, rà soát Chương trình môn Tiếng Anh cấp Tiểu học trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018".

## Tài liệu tham khảo

- A. Malderez and M. Wedell. (2007). *Teaching teachers: Processes and practices*. A&C Black.
- Curriculum Planning & Development Division. (2010). *English language syllabus: Primary & secondary (express/normal [academic])*.
- D. Chun, R. Kern, and B. Smith. (2016). Technology in language use, language teaching, and language learning, *Mod. Lang. J.*, vol. 100, no. S1, pp. 64–80.
- D. Dekker and C. Young. (2005). Bridging the gap: The development of appropriate educational strategies for minority language communities in the Philippines. *Curr. Issues Lang. Plan.*, vol. 6, no. 2, pp. 182–199.
- Department of Education. *K to 12 curriculum guide for English*.
- Department of Education. (2009). *Institutionalizing mother tongue-based multilingual education (MLE)*, [Online] Available: [http://www.deped.gov.ph/sites/default/files/order/2009/DO\\_s2009\\_74.pdf](http://www.deped.gov.ph/sites/default/files/order/2009/DO_s2009_74.pdf)
- D. Nunan. (2003). The impact of English as a global language on educational policies and practices in the Asia-Pacific Region. *TESOL Q.*, vol. 37, no. 4, pp. 589–613.
- Department of Education. *NAT overview and 2012 test results*.
- Education for All Global Monitoring Report. (2014). *Teaching and learning: Achieving quality for all*.
- I. V. S. Mullis, M. O. Martin, E. J. Gonzalez, and S. J. Chrostowski. (2004). *TIMSS 2003 International Mathematics Report: Findings from IEA's Trends in International Mathematics and Science Study at the Fourth and Eighth Grades*. ERIC.
- J. Wagner. (1991). *Innovations in foreign language teaching*, in *Foreign/second language pedagogy research: A commemorative volume for Clause Faerch*, Multilingual Matters Limited, pp. 288–306.
- J. S. Barrot. (2015). A sociocognitive-transformative instructional materials design model for second language (L2) pedagogy in the Asia Pacific: Development and validation, *Asia-Pacific Educ. Res.*, vol. 24, pp. 283–297.
- J. S. Barrot. (2014). A macro perspective on key issues in English as second language (ESL) pedagogy in the postmethod era: Confronting challenges through sociocognitive-transformative approach. *Asia-Pacific Educ. Res.*, vol. 23, pp. 435–449.
- J. S. Barrot. (2019). English curriculum reform in the Philippines: Issues and challenges from a 21st century learning perspective, *J. Lang. Identity Educ.*, vol. 18, no. 3, pp. 145–160.
- M. Kubanyiova and G. Crookes. (2016). Re-envisioning the roles, tasks, and contributions of language teachers in the multilingual era of language education research and practice, *Mod. Lang. J.*, vol. 100, no. S1, pp. 117–132.
- M. Valerio. (2015). Factors affecting English instruction of grade 7 K to 12 curriculum as perceived by high school English teachers of the Division of Quirino, *Int. J. English Lang. Teach.*, vol. 3, no. 1, pp. 48–67.
- N. H. A Rahman. (2014). *From curriculum reform to classroom practice: An evaluation of the English primary curriculum in Malaysia*, University of York.
- Pazzibugan. (2016). *K + 12' still struggling*, IQUIRER.NET. Accessed: Jul. 05, [Online]. Available: <https://newsinfo.inquirer.net/419261/k-12-still-struggling>.
- R. M. D. Nolasco, F. A. Datar, and A. M. Azurin. (2010). *Starting where the children are: A collection of essays on Mother tongue-based multilingual education and language issues in the Philippines*. 170+ Talaytayan MLE Incorporated.
- R. Tupas. (2015). Inequalities of multilingualism: Challenges to mother tongue-based multilingual education, *Lang. Educ.*, vol. 29, no. 2, pp. 112–124.
- Seameo Innotech. (2012). *K to 12 toolkit: Resource guide for teacher educators, school administrators and teachers*, Quezon City SEAMO INNOTECH.
- UNESCO. *Philippines Education for All 2015 review report*.
- UNESCO. (2012). *Why language matters for the millennium development goals*.
- Unicef. (2000). *Defining Quality in Education: A paper presented by UNICEF at the meeting of The International Working Group on Education*.
- The Partnership for 21<sup>st</sup> Century Learning. (2015). *P21 framework definition*, [Online]. Available: [www.p21.org/storage/documents/docs/P21\\_Framework\\_Definitions\\_New\\_Logo\\_2015.pdf](http://www.p21.org/storage/documents/docs/P21_Framework_Definitions_New_Logo_2015.pdf)
- T. G. Wiley and O. García. (2016). Language policy and planning in language education: Legacies, consequences, and possibilities, *Mod. Lang. J.*, vol. 100, no. S1, pp. 48–63.
- Y. G. Butler and M. Iino. (2005). Current Japanese reforms in English language education: The 2003 'action plan. *Lang. Policy*, vol. 4, pp. 25–45.
- Y. Kirkgöz. (2008). A case study of teachers' implementation of curriculum innovation in English language teaching in Turkish primary education, *Teach. Teach. Educ.*, vol. 24, no. 7, pp. 1859–1875.